

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2015



Tháng 03 năm 2016

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính 2015 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Tống Đức Chính	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01/01/2016
Ông Phạm Ngọc Hòa	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 01/01/2016
Ông Đỗ Hoàng Khôi	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01/01/2016
Ông Trịnh Văn Đoàn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/01/2016
Ông Nguyễn Trọng Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/01/2016
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/06/2015
Ông Tống Đức Chính	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/06/2015
Ông Võ Phùng Thuận	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/06/2015
Ông Dương Thủy Đức	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23/06/2015
Bà Nguyễn Thị Mai Thanh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23/06/2015
Ông Lê Văn Danh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23/06/2015

Ban Giám đốc điều hành

Ông Trịnh Văn Đoàn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2016
Ông Đỗ Hoàng Khôi	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/01/2016
Ông Tống Đức Chính	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/01/2016
Ông Trịnh Văn Đoàn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/01/2016

Kế toán trưởng

Bà Lương Thị Nguyệt	Kế toán trưởng
---------------------	----------------

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc điều hành khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA (UHY ACA LTD).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trịnh Văn Đoàn

Tổng Giám đốc

Ninh Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2016

Số: 169 /2016/UHYACA-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình, được lập ngày 30/03/2016, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

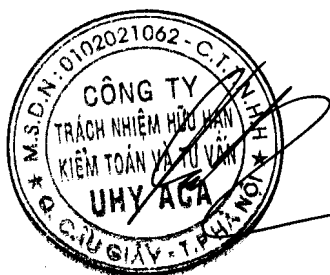
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0798-2014-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2016

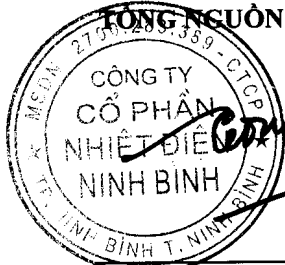
Hà Minh Long
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 1221-2014-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31/12/2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		347.148.087.959	334.828.547.601
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	71.621.145.739	52.543.937.920
Tiền	111		41.621.145.739	52.543.937.920
Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	10.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		189.279.403.661	201.035.375.372
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	172.097.848.328	184.548.699.890
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.684.852.900	4.409.630.733
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	12.496.702.433	12.077.044.749
Hàng tồn kho	140	8	75.572.076.763	80.736.252.483
Hàng tồn kho	141		75.670.303.692	80.736.252.483
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(98.226.929)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		675.461.796	512.981.826
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	675.461.796	512.981.826
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		33.382.265.901	34.726.776.145
Tài sản cố định	220		20.234.025.302	25.316.969.813
Tài sản cố định hữu hình	221	12	20.234.025.302	25.316.969.813
- Nguyên giá	222		443.334.187.846	440.505.816.028
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(423.100.162.544)	(415.188.846.215)
Tài sản dở dang dài hạn	240		6.211.823.239	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	9	6.211.823.239	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	10	2.500.000.000	2.500.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		2.500.000.000	2.500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		4.436.417.360	6.909.806.332
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	4.436.417.360	6.909.806.332
TỔNG TÀI SẢN	270		380.530.353.860	369.555.323.746

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
 Tại ngày 31/12/2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		110.866.073.289	119.117.172.872
Nợ ngắn hạn	310		110.866.073.289	119.016.127.417
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	34.765.047.090	73.320.043.221
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	14.600.331.898	6.502.276.584
Phải trả người lao động	314		41.899.927.977	30.745.911.966
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	8.025.160.804	2.012.857.014
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		101.047.056	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	7.951.450.539	4.627.802.407
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.523.107.925	1.807.236.225
Nợ dài hạn	330		-	101.045.455
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	101.045.455
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		269.664.280.571	250.438.150.874
Vốn chủ sở hữu	410	17	269.664.280.571	250.438.150.874
Vốn góp của chủ sở hữu	411		128.655.000.000	128.655.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		128.655.000.000	128.655.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		22.981.729.262	21.789.347.444
Quỹ đầu tư phát triển	418		49.997.002.461	45.205.916.759
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		68.030.548.848	54.787.886.671
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		19.156.789.151	9.843.117.520
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		48.873.759.697	44.944.769.151
TỔNG NGUỒN VỐN	440		380.530.353.860	369.555.323.746



Trịnh Văn Đoàn
Tổng Giám đốc
 Ninh Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2016

Lương Thị Nguyệt
Kế toán trưởng

Lương Thị Thúy
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	727.998.734.537	976.978.770.162
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		69.300.000	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		727.929.434.537	976.978.770.162
Giá vốn hàng bán	11	19	613.649.665.396	874.931.636.080
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		114.279.769.141	102.047.134.082
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	1.512.387.989	3.348.202.128
Chi phí tài chính	22		-	28.333.333
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	28.333.333
Chi phí bán hàng	25	21	569.453.830	377.519.313
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	53.130.234.960	48.291.256.385
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		62.092.468.340	56.698.227.179
Thu nhập khác	31	22	2.324.514.004	5.968.450.512
Chi phí khác	32	23	1.828.551.201	4.902.665.638
Lợi nhuận khác	40		495.962.803	1.065.784.874
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		62.588.431.143	57.764.012.053
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	13.711.671.446	12.695.664.630
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		48.876.759.697	45.068.347.423
Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	3.799	3.002



Trịnh Văn Đoàn
 Tổng Giám đốc
 Ninh Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2016

Lương Thị Nguyệt
 Kế toán trưởng

Lương Thị Thúy
 Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		62.588.431.143	57.764.012.053
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		7.911.316.329	7.003.525.412
Các khoản dự phòng	03		98.226.929	(441.789.246)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(1.512.387.989)	(4.122.232.810)
Chi phí lãi vay	06		-	28.333.333
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		69.085.586.412	60.231.848.742
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		12.046.249.371	(16.943.926.925)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.065.948.791	41.263.967.730
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(24.559.431.232)	(67.886.175.211)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.310.909.002	(6.269.628.922)
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(28.333.333)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.921.120.704)	(12.067.744.655)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		50.300.000	2.543.191.015
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(4.783.348.300)	(5.328.602.460)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		53.295.093.340	(4.485.404.019)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.484.501.200)	(4.280.261.235)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	774.030.682
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.000.000.000)	(90.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	130.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.222.110.329	3.348.202.128
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.262.390.871)	39.841.971.575
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(40.000.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(22.955.494.650)	(16.763.624.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(22.955.494.650)	(56.763.624.750)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		19.077.207.819	(21.407.057.194)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	52.543.937.920	73.950.995.115
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	71.621.145.739	52.543.937.920



Trịnh Văn Đoàn
Tổng Giám đốc

Ninh Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2016

Lương Thị Nguyệt
Kế toán trưởng

Lương Thị Thúy
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Nhiệt điện Ninh Bình theo Quyết định số 3945/QĐ-BCN ngày 29/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0903000161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp lần đầu ngày 31/12/2007. Ngày 25/10/2011, Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ nhất, mã số doanh nghiệp 2700283389.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 128.655.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi tám tỷ, sáu trăm năm mươi lăm triệu đồng chẵn./), chia thành 12.865.500 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó:

- Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty TNHH - Cổ đông vốn Nhà nước nắm giữ 7.045.440 cổ phần tương ứng với 70.454.400.000 đồng, chiếm 54,8% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 5.820.060 cổ phần, tương ứng với 58.200.600.000 đồng, chiếm 45,2% vốn điều lệ.

Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình (NBP) được niêm yết từ ngày 06/08/2009 tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Sản xuất điện;
- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: sản xuất đất đèn, vật liệu xây dựng, phụ gia xi măng;
- Sửa chữa thiết bị điện. Chi tiết: Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, nhiệt, cơ, công trình kiến trúc nhà máy điện;
- Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Đường dây và trạm biến áp;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoạt động dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội). Chi tiết: Đầu tư tài chính xây dựng các dự án nguồn điện;
- Dạy nghề. Chi tiết: Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị nhà máy điện;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác. Chi tiết: Lập dự án đầu tư, xây dựng, quản lý các dự án xây dựng, tư vấn giám sát thi công lắp đặt công trình.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình được lập theo chế độ kế toán ban hành kèm theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Từ 01/01/2015, Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và Thông tư 244/2009/TT-BTC. Theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC, Công ty không thực hiện điều chỉnh hồi tố các ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán. Thông tư 200/2014/TT-BTC cũng thể hiện sự thay đổi trong cách trình bày một số khoản mục trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Công ty đã trình bày và phân loại lại các số liệu so sánh cho phù hợp với cách trình bày mới. Chi tiết về việc phân loại lại các số liệu so sánh được trình bày tại Thuyết minh số 30 - Thuyết minh báo cáo tài chính.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp tính giá xuất hàng tồn kho: theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

3.5 TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG

Công ty trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và giảm giá hàng tồn kho theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Công ty ghi nhận khoản đầu tư dài hạn khác theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận được chia sau ngày phát sinh các khoản đầu tư này được hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc của khoản đầu tư.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ KHẤU HAO

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tương ứng, không điều chỉnh lại số khấu hao đã trích mà sẽ điều chỉnh mức khấu hao hàng năm (tăng hoặc giảm) tương ứng với thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính và phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 35
Máy móc thiết bị sản xuất	06 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

3.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chủ yếu là giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong 2 - 3 năm.

3.9 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả là các khoản chi phí trích trước có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm chủ yếu là chi phí sửa chữa tài sản cố định. Đối với Tài sản cố định là thiết bị, phương tiện chuyên ngành có quy định kỹ thuật về sửa chữa định kỳ được Công ty trích trước chi phí sửa chữa và hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ trên tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và quyết toán theo số thực tế phát sinh tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.10 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ***Doanh thu bán điện*

Doanh thu bán điện được xác định hàng tháng căn cứ vào biên bản bàn giao sản lượng điện giữa Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình với Công ty Mua bán điện (được Tập đoàn Điện lực Việt Nam ủy quyền) và giá bán điện thỏa thuận trên hợp đồng mua bán điện. Năm 2015, doanh thu mua bán điện được xác định theo “Hợp đồng Cung cấp dịch vụ phụ trợ Nhà máy Nhiệt điện Ninh Bình số 02/2016/DVPT/NMNĐNB-EVN” ký ngày 29/02/2016 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 05 “Hợp đồng mua bán điện số 06-2015/ĐH-NMĐ-NB” ký ngày 30/03/2016 giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá, dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã có sự giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua hoặc dịch vụ đã được thực hiện cho khách hàng và được người mua chấp nhận thanh toán. Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phân công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

Doanh thu hoạt động tài chính là lợi nhuận được chia hàng năm (nếu có) từ các đơn vị mà Công ty tham gia góp vốn và các khoản lãi tiền gửi ngân hàng.

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

3.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả của năm hiện hành và số thuế hoãn lại (nếu có).

Số thuế của năm hiện hành phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (trong trường hợp Công ty điều chỉnh các khoản thuế hoãn lại hoặc áp dụng chính sách kế toán phản ánh doanh thu và chi phí khác với chính sách thuế của năm hiện hành), không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp được áp dụng theo quy định tại Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 của Quốc hội về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp”. Theo đó, thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp được Công ty áp dụng trong năm 2015 là 22%.

Thu nhập chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh. Việc xác định thu nhập chịu thuế và chi phí thuế TNDN hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan Thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	190.054.700	181.743.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	41.431.091.039	52.362.194.420
Các khoản tương đương tiền (*)	30.000.000.000	-
Cộng	71.621.145.739	52.543.937.920

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

5 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn (*)	10.000.000.000	-
Cộng	10.000.000.000	-

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm tại các Ngân hàng thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	172.097.848.328	184.548.699.890
Công ty Mua bán Điện	166.117.171.457	183.097.249.553
Phải thu khách hàng khác	5.980.676.871	1.451.450.337
Cộng	172.097.848.328	184.548.699.890
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	170.624.777.357	183.097.249.553
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân	4.507.605.900	-
Công ty Mua bán Điện	166.117.171.457	183.097.249.553

7 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự ph V
Ngắn hạn	12.496.702.433	-	12.077.044.749	
Bảo hiểm xã hội	-	-	75.104.865	
Phải thu khác	11.799.852.433	-	11.610.689.884	
<i>Ban Quản lý Dự án 300MW</i>	<i>10.745.869.074</i>	-	<i>10.745.869.074</i>	
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	<i>328.395.639</i>	-	<i>706.807.381</i>	
<i>Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu</i>	<i>290.277.660</i>	-	-	
<i>Phải thu khác tại phân xưởng phụ</i>	<i>45.170.550</i>	-	<i>5.414.590</i>	
<i>Tiền sửa độc hại</i>	<i>148.374.326</i>	-	<i>567.685</i>	
<i>Tiền ăn ca</i>	<i>65.460.000</i>	-	-	
<i>Tiền quỹ công đoàn</i>	-	-	<i>150.000.000</i>	
<i>Phải thu khác</i>	-	-	<i>2.031.154</i>	
<i>Tiền ốm đau, thai sản</i>	<i>149.919.675</i>	-	-	
<i>Tiền nhà tập thể CBCNV</i>	<i>1.000.000</i>	-	-	
<i>Theo dõi khám chữa bệnh</i>	<i>12.797.575</i>	-	-	
<i>Tiền nước, tiền vệ sinh</i>	<i>12.587.934</i>	-	-	
Tạm ứng cán bộ công nhân viên	696.850.000	-	391.250.000	
Cộng	12.496.702.433	-	12.077.044.749	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	3.498.346.700	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	71.298.231.316	(98.226.929)	79.215.010.809	-
Công cụ, dụng cụ	485.455.038	-	502.300.117	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	233.643.693	-	385.419.728	-
Thành phẩm	105.170.180	-	347.106.723	-
Hàng hóa	49.456.765	-	286.415.106	-
Cộng	75.670.303.692	(98.226.929)	80.736.252.483	-

9 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
Xây dựng cơ bản dở dang	6.211.823.239	6.211.823.239	-	-
- Sửa chữa lớn TSCĐ	6.211.823.239	6.211.823.239	-	-
Đại tu tổ máy số 3	5.615.016.957	5.615.016.957	-	-
Tư vấn lập báo cáo khảo sát đánh giá hiện trạng SXKD Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình	493.220.827	493.220.827	-	-
Thẩm tra đề án cải tạo nâng cấp thiết bị để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh	103.585.455	103.585.455	-	-
Cộng	6.211.823.239	6.211.823.239	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Khoản đầu tư dài hạn khác là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc theo Nghị quyết của HĐQT Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Bản cam kết góp vốn số 137/NĐNB-TCLĐ ngày 23/02/2008 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình với số tiền là 2.500.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm triệu đồng chẵn*), tương ứng với 5% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc.

11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	675.461.796	512.981.826
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	675.461.796	512.981.826
Dài hạn	4.436.417.360	6.909.806.332
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	4.436.417.360	6.909.806.332
Cộng	5.111.879.156	7.422.788.158

12 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2015	84.496.877.359	331.540.660.254	20.890.625.102	3.577.653.313	440.505.816.028
- Mua trong năm	-	115.300.000	2.472.171.818	240.900.000	2.828.371.818
31/12/2015	84.496.877.359	331.655.960.254	23.362.796.920	3.818.553.313	443.334.187.846
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2015	75.104.720.956	323.138.926.502	15.116.482.164	1.828.716.593	415.188.846.215
- Khấu hao trong năm	2.911.420.738	2.040.382.060	2.454.777.478	504.736.053	7.911.316.329
31/12/2015	78.016.141.694	325.179.308.562	17.571.259.642	2.333.452.646	423.100.162.544
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2015	9.392.156.403	8.401.733.752	5.774.142.938	1.748.936.720	25.316.969.813
31/12/2015	6.480.735.665	6.476.651.692	5.791.537.278	1.485.100.667	20.234.025.302

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 361.339.271.215 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	34.765.047.090	34.765.047.090	73.320.043.221	73.320.043.221
- Tổng Công ty Đông Bắc - Bộ Quốc phòng	30.358.950.593	30.358.950.593	32.848.174.944	32.848.174.944
- Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	-	-	28.389.254.123	28.389.254.123
- Các đối tượng khác	4.406.096.497	4.406.096.497	12.082.614.154	12.082.614.154

14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		31/12/2015	
	VND		VND		VND		VND	
- Thuế giá trị gia tăng	269.815.335	19.243.466.553			18.779.574.721		733.707.167	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.524.847.229	13.755.481.446			5.921.120.704		13.359.207.971	
- Thuế thu nhập cá nhân	-	555.461.927			555.461.927		-	
- Thuế tài nguyên	707.614.020	2.175.416.760			2.375.614.020		507.416.760	
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	1.652.888.000			1.652.888.000		-	
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	20.096.472			20.096.472		-	
Cộng	6.502.276.584	37.402.811.158			29.304.755.844		14.600.331.898	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	8.025.160.804	2.012.857.014
- Tiền thưởng tiết kiệm nhiên liệu	1.464.481.530	1.502.325.345
- Trích trước lương kiêm nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	171.600.000	141.120.000
- Trích trước chi phí SCL đại tu tổ máy số 3	5.615.016.957	-
- Các khoản trích trước khác	774.062.317	369.411.669
Cộng	8.025.160.804	2.012.857.014

16 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	7.951.450.539	4.627.802.407
- Kinh phí công đoàn	22.343	203.521
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.951.428.196	4.627.598.886
+ Phải trả văn phòng Dự án	2.899.863.781	2.899.863.781
+ Cổ tức trả cho cổ đông chưa lưu ký	277.422.500	282.422.500
+ Quỹ ủng hộ người nghèo	243.496.044	227.327.044
+ Tập đoàn Điện lực Việt Nam về TSCĐ tạm tăng	159.517.573	159.517.573
+ Cổ tức năm 2008 phải trả	412.509.539	412.509.539
+ Cổ tức năm 2010 phải trả	216.127.580	226.627.580
+ Cổ tức năm 2011 phải trả	96.198.100	102.698.100
+ Cổ tức năm 2012 phải trả	100.023.695	112.003.195
+ Cổ tức năm 2013 phải trả	118.197.740	141.706.195
+ Cổ tức năm 2014 phải trả	115.664.225	-
+ Thuế GTGT trích trước	3.254.097.922	
+ Phải trả khác	58.309.497	62.923.379
Cộng	7.951.450.539	4.627.802.407

Phải trả khác là các bên liên quan

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty TNHH	3.059.381.354	3.059.381.354
Trong đó:		
- Phải trả về tiền văn phòng dự án	2.899.863.781	2.899.863.781
- Phải trả khác	159.517.573	159.517.573

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17 VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 128.655.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi tám tỷ, sáu trăm năm mươi lăm triệu đồng chẵn./), chia thành 12.865.500 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Chi tiết như sau:

TT	Cổ đông	31/12/2015		01/01/2015	
		Tổng số vốn đã góp	Tỷ lệ	Tổng số vốn đã góp	Tỷ lệ
			vốn góp		vốn góp
		VND	%	VND	%
1.	Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty TNHH	70.454.400.000	54,8%	70.454.400.000	54,8%
2.	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	31.661.000.000	24,6%	29.779.000.000	23,1%
3.	Cổ đông khác	26.539.600.000	20,6%	28.421.600.000	22,1%
	Cộng	128.655.000.000	100%	128.655.000.000	100%

17.2 CỔ TỨC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán:	19.298.250.000	16.725.160.000
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường:	19.298.250.000	16.725.160.000
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:	-	-

17.3 CỔ PHIẾU

	31/12/2015	01/01/2015
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.865.500	12.865.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.865.500	12.865.500
Trong đó		
Cổ phiếu phổ thông	12.865.500	12.865.500
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.865.500	12.865.500
Trong đó		
Cổ phiếu phổ thông	12.865.500	12.865.500
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

17.4 CÁC QUỸ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	49.997.002.461	45.205.916.759

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH
 Phường Thanh Bình, Tp. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2

17 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

17.5 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND		VND		VND		VND	VNĐ	VNĐ
01/01/2014	128.655.000.000		18.349.086.757		56.817.710.994		16.725.150.000		220.546.947.7
- Lãi trong năm	-		-		-		45.068.347.423		45.068.347.42
- Tăng khác	-		-		-		9.843.117.520		9.843.117.52
- Trả cổ tức năm 2013	-		-		-		(16.725.150.000)		(16.725.150.00)
- Điều chuyển nguồn vốn	-		3.440.260.687		(3.440.260.687)		-		-
- Giảm Quỹ đầu tư phát triển	-		-		(8.171.533.548)		-		(8.171.533.54
- Giảm khác	-		-		-		(123.578.272)		(123.578.27
31/12/2014	128.655.000.000		21.789.347.444		45.205.916.759		54.787.886.671		250.438.150.8
01/01/2015	128.655.000.000		21.789.347.444		45.205.916.759		54.787.886.671		250.438.150.8
- Lãi trong năm	-		-		-		48.876.759.697		48.876.759.6
- Phân phối lợi nhuận trong năm	-		-		5.983.467.520		(5.983.467.520)		
- Phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi	-		-		-		(6.448.920.000)		(6.448.920.00)
- Trả cổ tức năm 2013 (*)	-		-		-		(3.859.650.000)		(3.859.650.00)
- Trả cổ tức năm 2014 (*)	-		-		-		(19.298.250.000)		(19.298.250.00)
- Điều chuyển nguồn vốn	-		1.192.381.818		(1.192.381.818)		-		
- Giảm khác (**)	-		-		-		(43.810.000)		(43.810.00)
31/12/2015	128.655.000.000		22.981.729.262		49.997.002.461		68.030.548.848		269.664.280.5

(*) Trả cổ tức đợt 2 năm 2013 theo Nghị quyết số 03/NQ-NBTPC-HĐQT ngày 07/01/2015 và trả cổ tức năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015 số 275/NQ-ĐHĐCĐ-NBTPC ngày 23/06/2015.

(**) Giảm khác theo điều chỉnh tại Biên bản thanh tra thuế của Cục thuế tỉnh Ninh Bình.

4.03.2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***18 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	727.998.734.537	976.978.770.162
- Doanh thu bán điện	710.022.511.287	964.532.549.887
- Doanh thu bán sản phẩm khác	17.976.223.250	12.446.220.275
Các khoản giảm trừ doanh thu	69.300.000	-
- Hàng bán bị trả lại	69.300.000	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	727.929.434.537	976.978.770.162
Doanh thu với các bên liên quan	710.022.511.287	964.093.120.495
+ Công ty Mua bán Điện	710.022.511.287	964.093.120.495

19 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
- Giá vốn bán điện	602.920.976.130	863.411.991.332
- Giá vốn bán sản phẩm khác	10.728.689.266	11.519.644.748
Cộng	613.649.665.396	874.931.636.080

20 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.137.387.989	2.973.202.128
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	375.000.000	375.000.000
Cộng	1.512.387.989	3.348.202.128

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21 CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	53.130.234.960	48.291.256.385
- Chi phí nhân viên quản lý	27.975.846.754	21.730.602.460
- Chi phí vật liệu quản lý	234.443.236	252.847.228
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.200.124.706	1.684.549.961
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.575.158.128	1.397.976.436
- Chi phí thuế, phí và lệ phí	1.866.398.386	1.683.711.848
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.940.789.226	1.946.420.065
- Chi phí bằng tiền khác	11.922.915.237	11.013.757.284
- Thương tiết kiệm nhiên liệu	-	1.502.325.345
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.414.559.287	7.079.065.758
Chi phí bán hàng	569.453.830	377.519.313
- Chi phí vật liệu bao bì	26.083.930	32.605.358
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	515.145.900	332.390.955
- Chi phí bằng tiền khác	28.224.000	12.523.000

22 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
- Thu từ các khoản chi hộ Ban QLDA NMNĐ Thái Bình 2	-	879.985.650
- Thu nhập từ chương trình đốt thử nghiệm	-	933.398.720
- Thu nhập từ bán tro xỉ	1.497.991.950	2.340.216.300
- Thu nhập từ cho thuê nhà và kiot	256.329.089	251.734.545
- Cho thuê bến đỗ, cầu cảng	24.218.183	41.170.910
- Thu nhượng bán tài sản, vật tư, phế liệu	200.000	804.915.599
- Tiền bán hồ sơ thầu	2.727.273	16.727.274
- Thu từ cho thuê ca xe	1.744.091	113.391.911
- Thu nhập khác từ phân xưởng đất đèn	473.452.945	417.970.903
- Thu nhập khác	18.973.700	168.938.700
- Thu nhập từ theo dõi khám chữa bệnh	39.149.500	-
- Thu tiền bảo vệ cây ATM	9.727.273	-
Cộng	2.324.514.004	5.968.450.512

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

23 CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
- Chi phí cho Ban QLDA Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	-	879.985.650
- Chi phí cho tổ vận tro xỉ	1.200.699.400	2.134.542.861
- Chi phí cho thuê nhà và kĩ ốt	-	129.567.273
- Chi phạt chậm nộp thuế và bảo hiểm	17.298.156	69.243.466
- Chi phí cho thuê ca xe	753.509	52.744.016
- Chi phí bán phế liệu, vật tư	-	8.886.000
- Chi hồ sơ thầu	-	165.700.000
- Chi phí cho phân xưởng đất đèn	441.945.136	406.675.536
- Chi phí từ Chương trình đốt thử nghiệm	32.524.600	169.181.200
- Lệ phí cảng	77.207.200	130.832.273
- Chi phí khám chữa bệnh	58.123.200	-
- Các khoản chi khác	-	755.307.363
	1.828.551.201	4.902.665.638

24 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	62.588.431.143	57.764.012.053
Các khoản chi phí không được trừ	205.098.156	285.844.359
- Tiền phạt thuế, phạt chậm nộp bảo hiểm	16.098.156	69.243.466
- Thù lao Hội đồng quản trị năm 2015	189.000.000	207.900.000
- Chi phí xử lý chênh lệch thuế GTGT	-	8.700.893
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	467.750.000	714.103.904
- Cổ tức được chia	375.000.000	375.000.000
- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã loại ra khỏi chi phí tính thuế TNDN năm 2013	-	339.103.904
- Chi phí trích đào tạo phân bổ 3 năm theo biên bản thuế số 946 năm 2015	92.750.000	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	62.325.779.299	57.335.752.508
Thuế suất	22%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành năm 2015	13.711.671.446	12.613.865.552
Thuế TNDN tương ứng 3% (25% - 22%) với Doanh thu điện năm 2013 hạch toán vào năm 2014	-	81.799.078
Chi phí thuế TNDN hiện hành	13.711.671.446	12.695.664.630

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***25 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	48.876.759.697	38.619.427.423
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	12.865.500	12.865.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	3.799	3.002

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 được tính toán lại dựa theo số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2014 (theo Nghị quyết số 275/NQ-ĐCHCĐ-NBTPC ngày 23/06/2015 của Đại hội đồng cổ đông). Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2015 là số chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi do Công ty chưa có số liệu về tỷ lệ trích này.

26 THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình là Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các đơn vị thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Ban Tổng Giám đốc trong năm, các nghiệp vụ và số dư của Công ty với các bên liên quan cụ thể như sau:

26.1 THU NHẬP CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập của ban Tổng Giám đốc	1.322.170.000	936.000.000
Tiền lương, thưởng	1.322.170.000	936.000.000

26.2 THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
- Thù lao và lương Hội đồng Quản trị	752.400.000	676.800.000
- Thù lao Ban kiểm soát	212.400.000	196.560.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***27 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.12.

CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	71.621.145.739	52.543.937.920
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.000.000.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	183.897.700.761	196.009.389.774
Đầu tư dài hạn	2.500.000.000	2.500.000.000
Cộng	268.018.846.500	251.053.327.694
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	39.462.377.364	77.947.642.107
Chi phí phải trả	8.025.160.804	2.012.857.014
Cộng	47.487.538.168	79.960.499.121
Trạng thái ròng	220.531.308.332	171.092.828.573

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***27 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có thể có rủi ro tín dụng với các khách hàng bởi vì các khoản phải thu tập trung ở một số lượng ít khách hàng.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả cũng như trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

27 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

Công nợ tài chính	Dưới 1 năm VND	Từ trên 1 năm VND	Cộng VND
31/12/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	39.462.377.364	-	39.462.377.364
Chi phí phải trả	8.025.160.804	-	8.025.160.804
Cộng	47.487.538.168	-	47.487.538.168
01/01/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	77.947.642.107	-	77.947.642.107
Chi phí phải trả	2.012.857.014	-	2.012.857.014
Cộng	79.960.499.121	-	79.960.499.121

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tài sản tài chính	Dưới 1 năm VND	Từ trên 1 năm VND	Cộng VND
31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	71.621.145.739	-	71.621.145.739
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	183.897.700.761	-	183.897.700.761
Đầu tư dài hạn	-	2.500.000.000	2.500.000.000
Cộng	265.518.846.500	2.500.000.000	268.018.846.500
01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.543.937.920	-	52.543.937.920
Phải thu khách hàng và phải thu khác	196.009.389.774	-	196.009.389.774
Đầu tư dài hạn	-	2.500.000.000	2.500.000.000
Cộng	248.553.327.694	2.500.000.000	251.053.327.694

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***28 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực kinh doanh bao gồm: sản xuất điện, dịch vụ khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Báo cáo chính yếu, báo cáo bộ phận thứ yếu trình bày theo khu vực địa lý. Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của các khách hàng tại Việt Nam. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh:

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28 BẢO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Năm 2015

Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài

Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chi phí bộ phận

Kết quả kinh doanh theo bộ phận

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu hoạt động tài chính

Chi phí tài chính

Thu nhập khác

Chi phí khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Kinh doanh điện	Các lĩnh vực khác	Loại trừ	Tổng cộng
VND	VND	VND	VND
710.022.511.287	17.906.923.250	-	727.929.434.537
710.022.511.287	17.906.923.250		727.929.434.537
602.920.976.130	10.728.689.266	-	613.649.665.396
107.101.535.157	7.178.233.984	-	114.279.769.141
			(53.699.688.790)
			60.580.080.351
			1.512.387.989
			-
			2.324.514.004
			(1.828.551.201)
			(13.711.671.446)
			48.876.759.697

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28 **BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Năm 2014

Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài

Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Chi phí bộ phận
- Kết quả kinh doanh theo bộ phận
- Các chi phí không phân bổ theo bộ phận
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh
- Doanh thu hoạt động tài chính
- Chi phí tài chính
- Thu nhập khác
- Chi phí khác
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**

Kinh doanh điện	Các lĩnh vực khác	Loại trừ	Tổng cộng
VND	VND	VND	VND
964.532.549.887	12.446.220.275	-	976.978.770.162
964.532.549.887	12.446.220.275		976.978.770.162
863.411.991.332	11.519.644.748	-	874.931.636.080
101.120.558.555	926.575.527	-	102.047.134.082
			(48.668.775.698)
			53.378.358.384
			3.348.202.128
			(28.333.333)
			5.968.450.512
			(4.902.665.638)
			(12.695.664.630)
			45.068.347.423

Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý: Công ty hoạt động trong một môi trường kinh tế, không có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt đáng kể.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

29 BẢO CÁO CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH ĐIỆN THEO YẾU TỐ

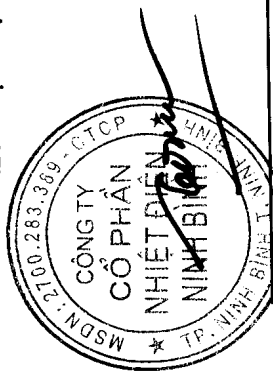
STT Nội dung	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
1. Nhiên liệu	446.733.765.678	685.974.360.651
2. Vật liệu	12.476.280.154	12.784.534.262
3. Lương và bảo hiểm xã hội	114.282.659.172	117.645.126.205
- Lương công nhân viên	106.963.070.000	109.509.840.000
- Các khoản bảo hiểm trích theo lương	7.319.589.172	8.135.286.205
4. Khấu hao tài sản cố định	6.325.187.097	5.732.332.893
5. Các khoản dịch vụ mua ngoài	2.829.847.578	2.791.506.254
- Điện dùng nội bộ	74.083.052	102.166.762
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	2.755.764.526	2.689.339.492
6. Chi phí sửa chữa lớn	32.367.286.258	44.130.487.122
- Sửa chữa lớn thuê ngoài	4.180.394.858	17.122.344.042
- Sửa chữa lớn tự làm	28.186.891.400	27.008.143.080
7. Chi phí phát triển khách hàng		-
8. Chi phí bằng tiền khác	34.535.525.290	42.644.900.330
- Thuế tài nguyên	2.175.416.760	3.201.614.020
- Thuế đất	1.652.888.000	1.426.121.700
- Ăn ca	5.138.278.000	5.646.332.000
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm	148.891.000	792.215.000
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	98.226.929	(441.789.246)
- Chi phí khác	25.321.824.601	32.020.406.856
Tổng cộng	649.550.551.227	911.703.247.717

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỊỆT ĐIỆN NINH BÌNH
Phường Thanh Bình, Tp. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30 SÓ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán, ngoại trừ chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 đã được điều chỉnh lại sau khi cập nhật số liệu về trích quỹ khen thưởng, phúc lợi như đã trình bày tại thuyết minh số 25. Một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán đã được trình bày lại cho phù hợp Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014			Trình bày lại theo Thông tư 200/2014/TT-BTC		
Mã số	Khoản mục	Số tiền	Mã số	Khoản mục	Số tiền
135	Các khoản phải thu khác	11.685.794.749	136	Phải thu ngắn hạn khác	12.508.436.136
158	Tài sản ngắn hạn khác	391.250.000	155	Tài sản ngắn hạn khác	-
258	Đầu tư dài hạn khác	2.500.000.000	253	Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	2.500.000.000
312	Phải trả người bán	73.320.043.221	311	Phải trả người bán ngắn hạn	73.320.043.221
316	Chi phí phải trả	2.012.857.014	315	Chi phí phải trả ngắn hạn	2.012.857.014
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	4.627.802.407	319	Phải trả ngắn hạn khác	4.627.802.407
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	128.655.000.000	411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	128.655.000.000
			411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	128.655.000.000
417	Quỹ đầu tư phát triển	32.494.116.551	418	Quỹ đầu tư phát triển	45.205.916.759
418	Quỹ dự phòng tài chính	12.711.800.208			
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	54.787.886.671	421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	54.787.886.671
			421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	9.843.117.520
			421b	- LNST chưa phân phối năm nay	44.944.769.151



Trịnh Văn Đoàn
Tổng Giám đốc
Ninh Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2016

[Signature]

Lương Thị Nguyệt
Kế toán trưởng

[Signature]

Lương Thị Thúy
Người lập